TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST.
Ngày: 23.8.2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà*:** ông P. L. L .

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: H. T. T. M;
2. Bà: N. T. D;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà N. T. T. T – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên toà*:** Ông P. X. D – Kiểm sát viên.

Ngày 23.8.2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HS, ngày 23 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/ngày 10.8.2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **V.N.Đ**, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20.4.1974 tại: tỉnh Q; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường E, TP.M, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 07/12; Con ông: V.U, SN: 1939 và bà: N.T.T (Chết); Vợ, Con: Chưa có; Tiền án: TAND thị xã A.K, tỉnh G xử phạt 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 35/2015/HSST ngày 17/11/2015; chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/10/2017 chưa thi hành xong phần bồi thường thiệt hại; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 11/4/2021 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Chị T. T. K. T, SN: 1982

Địa chỉ: thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B.

+ Ông L. Đ. H, SN: 1938

Địa chỉ: thôn T, tt. R, huyện A, tỉnh B.

+ Bà V.T.T, SN: 1961

Địa chỉ: thôn M, xã L, huyện A, tỉnh B.

+ Chị N.T.K.V, SN: 1985

Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện A, tỉnh B.

+ Chị N.T.S, Sn: 1980

Địa chỉ: thôn K, xã L, huyện A, tỉnh B.

+ Anh N.C.H, SN: 1979

Địa chỉ: thôn G.L, xã C.M, huyện A, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh N.V.B.T, SN: 1975;(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã U, huyện V, tỉnh X.

(Chị T.T.K.T, ông L.Đ.H, bà V.T.T, chị N.T.S, anh N.C.H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

V.N.Đ có 01 tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích. Trong thời gian từ ngày 25/3/2021 đến ngày 13/4/2021, V.N.Đ đi theo Đoàn lô tô Mai lưu diễn và tạm trú tại xã N.T, Tx.Y, tỉnh B. Để có tiền tiêu xài cá nhân, V.N.Đ đã mượn và sử dụng xe mô tô 55H4-0763 của N.V.B.T (người làm trong đoàn lô tô) đi dạo tìm nơi sơ hở và lén lút thực hiện 06 vụ trộm trên đại bàn huyện A. Cụ thể:

Vụ 1: Sáng ngày 25/3/2021, V.N.Đ điều khiển xe mô tô 55H4-0763 đi ngang nhà chị T.T.K.T ở thôn P, xã C, huyện A thấy có một mình cháu Nguyễn N.T.X.N (con chị T.T.K.T) ở nhà nên giả vờ hỏi thăm và lẻn vào phòng buồng lấy trộm 01 chiếc điện thoại di dộng hiệu Iphone 6S bỏ đi. Trên đường đi, V.N.Đ làm rơi điện thoại trên đường không xác định được vị trí. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận chiếc điện thoại trên có trị giá 3.000.000 đồng.

Vụ 2, 3, 4, 5: Sáng ngày 04/4/2021, V.N.Đ điều khiển xe mô tô 55H4-0763 đi dạo tìm nơi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà vợ chồng ông L.Đ.H ở thôn T, tt. R, huyện A, V.N.Đ giả vờ hỏi mua rau và quan sát thấy vợ chồng ông L.Đ.H cất tiền ở dưới thùng mì tôm gần cửa phòng buồng. Lợi dụng lúc vợ chồng ông L.Đ.H ra phía sau cắt rau bán, V.N.Đ lẻn vào nhà lấy trộm số tiền 2.500.000 đồng bỏ đi. Khi đến quán nước giải khát của chị V.T.T ở thôn thôn M, xã L, huyện A thấy không có người trông coi nên V.N.Đ lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Sam sung A71 để trên giường và số tiền 1.000.000 đồng trong túi

áo khoác. V.N.Đ tiếp tục điều khiển xe đi dạo, khi đến nhà của chị N.T.K.V ở thôn N, xã L, V.N.Đ quan sát không có người nên lén lút vào nhà lấy trộm 300.000 đồng để trong hũ nhựa đặt trên tủ bỏ đi. Khi đến quán ăn của chị N.T.S, ở thôn K, xã L thấy có một mình cháu N.T.N (con chị N.T.S) nên V.N.Đ giả vờ hỏi xin túi nhựa đựng đồ và lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Sam sung A50 đang sạc pin trên đầu tủ lạnh bỏ đi.

Trên đường đến thị trấn R, huyện A, V.N.Đ bán lại 02 điện thoại di động trên cho 02 người thanh niên đi đường với giá 1.500.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận 02 điện thoại di động trên có tổng trị giá 6.000.000 đồng.

- Vụ 6: Sáng ngày 11/4/2021, V.N.Đ điều khiển xe mô tô 55H4-0763 đi dạo tìm nơi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà anh N.C.H, sinh năm 1979 ở thôn G.L, xã C.M, huyện A. Lúc này, trong nhà chỉ có 02 con anh N.C.H là N.H.H và N.H ở nhà trông coi; V.N.Đ giả vờ xin hoa giấy về làm thuốc và nhờ N.H.H hái giùm, còn mình vào nhà tìm túi đựng. Khi vào nhà, V.N.Đ thấy 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A10 để ở tủ phòng sinh hoạt chung của gia đình nên lấy trộm và điều khiển xe bỏ đi thì bị Công an huyện A phát hiện bắt giữ. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận chiếc điện thoại trên có trị giá 2.100.000 đồng.

* Vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ và xử lý trả lại 01 điện thoại di động Sam sung Galaxy A10, màu xanh, màn hình cảm ứng bị vỡ cho người bị hại N.C.H. Hiện còn tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Nature, biển kiểm soát 55H4-0763. Qua xác minh, xe này do N.V.B.T mua lại từ người khác nhưng không có giấy tờ, không rõ nguồn gốc.

* Về phần dân sự: Những người bị hại yêu cầu bị cáo V.N.Đ bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo số tiền và trị giá tài sản bị chiếm đoạt. Trong đó: chị T.T.K.T yêu cầu số tiền 3.000.000 đồng, ông L.Đ.H 2.500.000 đồng, chị V.T.T 4.500.000 đồng, chị N.T.K.V 300.000 đồng, chị N.T.S 2.500.000 đồng, anh N.C.H 500.000 đồng (do màn hình điện thoại bị V.N.Đ làm rơi vỡ). Bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKS, ngày 23.6.2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo V.N.Đ về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo V.N.Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS để xử phạt bị cáo V.N.Đ với mức án từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật và bồi thường về dân sự cho người bị hại.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo V.N.Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận: V.N.Đ là đối tượng tuy có công việc làm cơ bản ổn định đủ để nuôi sống bản thân nhưng vì bản tính chây lười lao động, đã bị kết án và chấp hành hình phạt về tội chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục lún sâu hơn vào con đường phạm tội. V.N.Đ đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu, trong khoảng thời gian từ ngày 25/3/2021 đến ngày 13/4/2021, thực hiện liên tiếp 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện A, chiếm đoạt 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6S, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A71, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A50, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy A10 và 3.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản V.N.Đ chiếm đoạt là 14.900.000 đồng.

Hành vi của V.N.Đ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã nhiều lần trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, thể hiện ý thức xem thường pháp luật Nhà nước do đó cần phải xử lý nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo V.N.Đ về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

HĐXX nhận thấy bị cáo V.N.Đ là người có nhân thân không tốt và đã chấp hành hình phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản trong khoảng thời gian dài nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, không lo làm ăn lương thiện, khi thấy có điều kiện thuận lợi, bị cáo liền tiếp tục thực hiện việc trộm cắp tài sản, do đó cần phải xử lý nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe bị cáo.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo V.N.Đ có hai tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy bị cáo đã phạm tội nhiều lần nhưng bị cáo có công việc ổn định nên không xác định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Tuy nhiên xét nhân thân của bị cáo đã từng bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản, thời gian chấp hành án tuy dài nhưng bị cáo vẫn chưa ăn năn hối cải nên tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nữa để cải tạo giáo dục bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo còn phạm tội trộm cắp ở huyện S, tỉnh B; thị xã T.H, tỉnh H đã được khởi tố và xử lý riêng ở các vụ án khác.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo V.N.Đ đã chiếm đoạt của 05 bị hại, những người này tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn yêu cầu bồi thường, cụ thể như sau: chị T.T.K.T là 3.000.000 đồng, ông L.Đ.H là 2.500.000 đồng, chị V.T.T là 4.500.000 đồng, chị N.T.K.V là 300.000 đồng, chị N.T.S là 2.500.000 đồng; xét thấy yêu cầu này là chính đáng nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại.

Đối với người bị hại là anh N.C.H, đã nhận lại tài sản là 01 ĐTDĐ Samsung Galaxy A10 nhưng màn hình cảm ứng bị vỡ, nên anh N.C.H yêu cầu bị cáo V.N.Đ bồi thường số tiền 500.000 đồng; do đó, bị cáo V.N.Đ phải có trách nhiệm bồi thường 500.000 đồng cho anh N.C.H.

[5.2]. Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô BKS 55H4-0763, xe này do anh N.V.B.T mua lại từ người khác nhưng không có giấy tờ, không rõ nguồn gốc; khi cho V.N.Đ sử dụng xe mô tô anh N.V.B.T không biết V.N.Đ dùng xe mô tô làm phương tiện

đi trộm cắp tài sản nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh N.V.B.T là có căn cứ. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy vật chứng này không có nguồn gốc rõ ràng; nghĩ nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015, Điều 147 của BLTTDS năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo V.N.Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo V.N.Đ **02 (Hai) năm** tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/4/2021.

3. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1.Trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584 và 589 BLDS

Buộc bị cáo V.N.Đ phải bồi thường cho những người bị hại sau:

- Chị T.T.K.T là 3.000.000 đồng;
- Ông L.Đ.H là 2.500.000 đồng;
- Chị V.T.T là 4.500.000 đồng;
- Chị N.T.K.V là 300.000 đồng;
- Chị N.T.S là 2.500.000 đồng;
- Anh N.C.H là 500.000 đồng.

Kể từ khi những người được thi hành án nói trên có đơn yêu cầu xin thi hành án, nếu bên phải thi hành không chịu trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.2. Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Nature BKS 55H4-0763 (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo V.N.Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 665.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5.*Quyền kháng cáo đối với bản án*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Các đương sự vắng mặt thì thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- CA huyện A (02b);
- VKSND huyện A (02b);
- Phòng hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS H.A;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

P. L. L